



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆT NAM**

<u>MUC LUC</u>	Trang
Phần I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	9
Phần II. Tình hình hoạt động trong năm	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	13
4. Tình hình tài chính	14
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	20
Phần IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	21
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	21
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	22
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	22
Phần V. Quản trị Công ty	24
1. Hội đồng quản trị	24
2. Ban kiểm soát	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	26
Phần V. Báo cáo tài chính	27
1. Ý kiến kiểm toán	27
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	30

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco), tiền thân là Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập ngày 20/12/2000 theo Quyết định số 269/QĐ/HĐQT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

Với số Vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng, cán bộ chủ yếu từ Agribank chuyển sang, đến nay Agriseco đã trở thành công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu của Việt Nam: lớn nhất về mạng lưới (3 Chi nhánh, 4 Phòng giao dịch, 47 Cơ sở phát triển dịch vụ), lớn thứ hai về Vốn điều lệ (2.120 tỷ đồng).

Thông tin về Công ty:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
- Tên viết tắt: AGRISECO
- Giấy phép hoạt động: Số 108/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/7/2009.
Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 41/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 6276 2666
- Fax: (84-4) 6276 5666
- Website: www.agriseco.com.vn
- Mã cổ phiếu: AGR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2000:

- **20/12/2000:** Agribank ban hành Quyết định số 269/QĐ-HĐQT thành lập Agriseco, có trụ sở tại Tầng 4 - tòa nhà C3, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

Năm 2001:

- **09/01/2001:** Tiếp nhận Vốn điều lệ 60 tỷ đồng.
- **04/05/2001:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh, Agriseco trở thành công ty chứng khoán thứ 8 gia nhập thị trường.
- **05/11/2001:** Khai trương hoạt động tại Hà Nội.
- **23/11/2001:** Thành lập Chi nhánh đầu tiên của Agriseco tại TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2003:

- **30/10/2003:** Thành lập Phòng giao dịch đầu tiên tại Ngọc Khánh, Hà Nội.

Năm 2004:

- **14/01/2004:** Nâng Vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- **15/09/2004:** Đưa sản phẩm REPO ra thị trường.

Năm 2005:

- **14/01/2004:** Đưa sản phẩm REREPO ra thị trường.
- **11/11/2005:** Khai trương Đại lý nhận lệnh cấp huyện đầu tiên tại Huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.
- **21/11/2005:** Nâng Vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.

Năm 2006:

- **07/04/2006:** Nhận Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2007:

- **19/06/2007:** Nâng Vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
- **16/08/2007:** Ký Bản ghi nhớ Hợp tác chiến lược với Guotai Junan - Tập đoàn chứng khoán hàng đầu Trung Quốc.

Năm 2008:

- **19/10/2008:** Nhận Giải thưởng - Cup Vàng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín” 2008 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2009:

- **06/01/2009:** Hoàn thành Đấu giá lần đầu ra bên ngoài cổ phần của Agriseco, khởi đầu chuyển đổi Agriseco từ công ty TNHH 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.
- **03/02/2009:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Toà nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- **22/06/2009:** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- **10/07/2009:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 108/UBCK-GP cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- **11-12/10/2009:** Nhận Giải thưởng – Cúp Vàng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín” 2009 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam; nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán tiêu biểu” và “Thành viên đầu thầu Trái phiếu Chính phủ tiêu biểu trên thị trường chứng khoán” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư (VIR) phối hợp tổ chức. Agriseco là **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN DUY NHẤT NHẬN CẢ 3 DANH HIỆU.**
- **10/12/2009:** Chính thức đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu **AGR.**

Năm 2010:

- **18/07/2010:** Nhận Bằng khen của Bộ Tài chính về những đóng góp cho TTCK trong 10 năm.
- **20/08/2010:** Nâng vốn Điều lệ lên 2.120 tỷ đồng.
- **13/09/2010:** Nhận Giải thưởng - Cúp Vàng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín” 2010 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam;
- **22/12/2010:** Xếp hạng số 257/1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Năm 2011:

- **2/3/2011:** Bằng khen của **Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng** v/v CTCP Chứng khoán NHNO&PTNT VN đã có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển TTCK trong giai đoạn 2000 – 2010 góp phần vào xây dựng bảo vệ CNXH và Bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen của **Bộ trưởng Bộ Tài Chính Vũ Văn Ninh** v/v xây dựng TTCK trong giai đoạn 2006-2010.
- Bằng khen của **Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Giàu** v/v đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nghiệp vụ NH năm 2008 – 2009.
- **10/2011: Sao vàng Đất Việt:** Agriseco ở top 200 và là công ty chứng khoán duy nhất đạt giải.

Năm 2012:

- **30/11/2012: Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- **05/2012:** Đưa sản phẩm **dịch vụ Môi giới Hợp đồng** ra thị trường.

Năm 2013:

- **06/2013: Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013** do Báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.
- **09/2013: Sao vàng Đất Việt:** Agriseco đạt danh hiệu Sao vàng Đất Việt năm 2013 và xếp trong danh sách TOP 200 Thương hiệu Việt Nam.

Năm 2014:

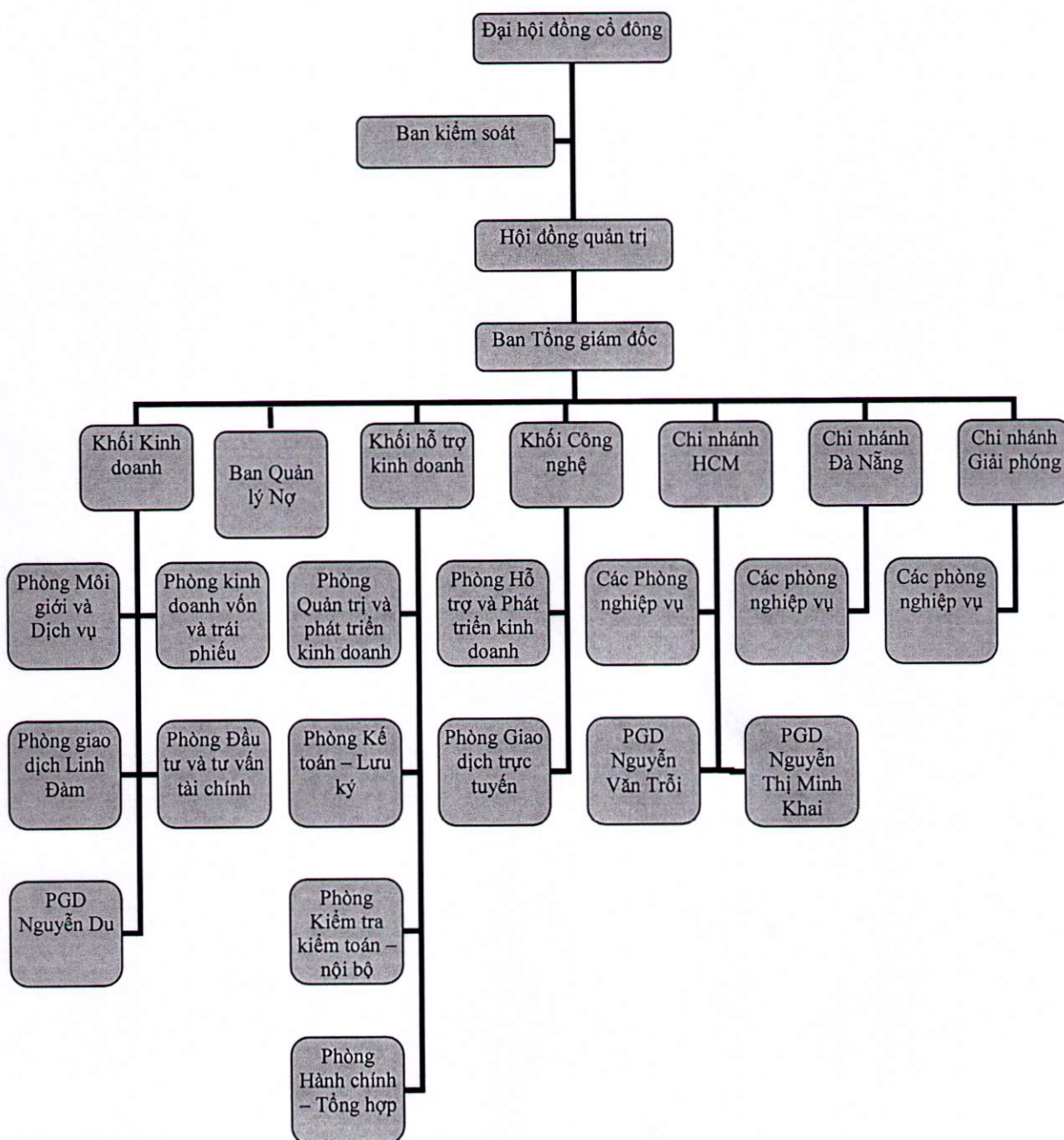
- **02/12/2014: Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** theo bảng xếp hạng V1000-1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được công bố dựa trên kết quả điều tra và xử lý dữ liệu của Tạp chí Thuế, Tổng Cục Thuế, Vietnam Report, Báo Vietnamnet và các chuyên gia tư vấn độc lập trong và ngoài nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

❖ Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý



❖ **Công ty con, công ty liên kết**

Không

5. Định hướng phát triển:

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Đẩy mạnh các Nghiệp vụ lõi của CTCK để từng bước ổn định, tăng trưởng. Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ xấu. Từng bước ổn định tình hình tài chính, đảm bảo thanh khoản, cơ cấu lại nợ và cơ cấu lại tài sản. Đảm bảo nâng cao đời sống và thu nhập của người lao động. Đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính và hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Triển khai mạnh các sản phẩm cốt lõi của chứng khoán: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn.
- Triển khai mở rộng thị phần Môi giới và thị phần Tư vấn, đặc biệt là ở miền Trung và miền Nam.
- Đẩy mạnh phát triển khách hàng lớn, Khách hàng tổ chức.
- Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh với các CTCK khác (đặc biệt là các sản phẩm Môi giới và Tư vấn).
- Cơ cấu và kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp với mô hình hoạt động của lĩnh vực kinh doanh chứng khoán.

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoạt động không chỉ thực hiện mục tiêu kinh doanh, mà còn thực hiện những trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội đối với cộng đồng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp phát triển cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện được Công ty thực hiện bằng việc duy trì huy động các quỹ từ thiện xã hội, quỹ tình nghĩa và sử dụng các quỹ vào các mục đích xã hội và cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tất cả vì một đất nước Việt Nam phát triển và thịnh vượng.

6. Các rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế

Rủi ro thị trường đối với Agriseco nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro liên quan đến biến động của giá chứng khoán và biến động lãi suất.

Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá niêm yết. Giá trị các trái phiếu được đánh giá hàng ngày dựa vào giá trị thị trường và tình hình lãi suất. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị danh mục trái phiếu giảm và ngược lại.

Các giao dịch của Agriseco đều bằng đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên Agriseco không bị ảnh hưởng từ rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

❖ Rủi ro pháp lý

Agriseco chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư, và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà Agriseco cập nhật không kịp thời.

❖ Rủi ro đầu tư

Agriseco là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, hoạt động đầu tư chính của Agriseco là kinh doanh trái phiếu. Để hạn chế rủi ro đầu tư, Agriseco đã thành lập một bộ phận quản lý rủi ro nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư cũng như đánh giá giá trị tài sản đảm bảo để có thể kịp thời hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

❖ Rủi ro thị trường

Các biến động trên thị trường tài chính có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Agriseco. Cụ thể như các thay đổi về lãi suất, giá mua bán chứng khoán, tỷ giá hối đoái dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và Agriseco nói riêng.

Để hạn chế các rủi ro do biến động của thị trường tài chính, Agriseco thường xuyên thực hiện các nghiên cứu Tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài

chính một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố vi mô và vĩ mô.

❖ **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác bao gồm các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch họa, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2015	Kế hoạch năm 2015 được ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
Lợi nhuận trước thuế	-212,7	10	-

❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2015 là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán nói chung (tình hình kinh tế vĩ mô biến động, quá trình tái cấu trúc TTCK, siết chặt pháp luật về các chỉ tiêu tài chính..) và Công ty nói riêng (thay đổi nhiều thành viên trong bộ máy lãnh đạo). Ngoài ra, các khoản nợ xấu phát sinh làm Công ty phải trích lập dự phòng lớn (trong năm 2015 Công ty trích hơn 265 tỷ đồng dự phòng) ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của Công ty. Do đó, năm 2015 Công ty đã không hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành các nghiệp vụ được giao.

Ông Phan Văn Tuấn – nguyên Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT – được bổ nhiệm vào chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 23/09/2015 theo Quyết định số 12/15/QĐ/HĐQT, đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 phê chuẩn.

Ông Nguyễn Kim Hậu được bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 17/07/2013; được miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 23/09/2015 theo Quyết định số 11/15/QĐ/HĐQT, đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 phê chuẩn.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc:

2.1.1. Ông Phan Văn Tuấn – Tổng Giám đốc từ ngày 23/09/2015

- Họ và tên: **Phan Văn Tuấn**
- Ngày tháng năm sinh: **13/05/1978**
- Nơi sinh: **Hà Tĩnh**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính tín dụng.**

2.1.2. Ông Nguyễn Kim Hậu – Tổng Giám đốc từ ngày 17/07/2013 đến ngày 23/09/2015

- Họ và tên: **Nguyễn Kim Hậu**
- Ngày tháng năm sinh: **17/6/1971**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

2.1.3. Bà Vũ Thị Thúy Hà – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Vũ Thị Thúy Hà**
- Ngày tháng năm sinh: **07/3/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.4. Ông Lê Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lê Văn Minh**
- Ngày tháng năm sinh: **18/3/1963**
- Nơi sinh: **Lâm Đồng**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.5. Ông Bùi Đức Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Bùi Đức Thắng**
- Ngày tháng năm sinh: **20/12/1973**
- Nơi sinh: **Hải Hưng**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Toán Kinh tế**

2.1.6. Bà Trần Thị Huệ – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Trần Thị Huệ**
- Ngày tháng năm sinh: **30/05/1978**
- Nơi sinh: **Hưng Yên**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính kế toán**

2.1.7 Bà Ngô Thị Hoàng Nga – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Ngô Thị Hoàng Nga**
- Ngày tháng năm sinh: **01/01/1979**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính kế toán**

❖ **Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc:**

Năm 2015, HĐQT đã ban hành:

- Quyết định số 11/15/QĐ/HĐQT ngày 23/09/2015 V/v Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định số 12/15/QĐ/HĐQT ngày 23/09/2015 V/v Bổ nhiệm Ông Phan Văn Tuấn làm Tổng Giám đốc Công ty.

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên**

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 161 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 161 người).

- Trình độ thạc sỹ, tiến sỹ: 26 cán bộ (chiếm 16,1 % tổng số cán bộ).

Chính sách lương thưởng, phụ cấp cho người lao động

Lương trả cho Lao động năm 2015 bao gồm các loại lương sau:

- **Lương tối thiểu:** là mức lương tối thiểu mỗi lao động được nhận, căn cứ trên quy định của Công ty tương xứng với sức lao động nhằm đảm bảo đời sống và làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Lương tối thiểu được xác định theo trình độ, thâm niên và chức danh của Lao động, đảm bảo Mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- Thưởng cho lao động gián tiếp được tính toán và thực hiện vào cuối năm dựa trên cơ sở lợi nhuận thực hiện, mức lương của Lao động trực tiếp và Quỹ lương năng suất.

Chế độ thu hút và đào tạo nhân sự

Công ty có chế độ khuyến khích đào tạo và tự đào tạo.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Nhận thức được tình hình thị trường năm 2015 còn nhiều biến động, Agriseco tiếp tục đề cao nguyên tắc an toàn kinh doanh, tăng cường kiểm tra, kiểm soát rủi ro, tập trung vào công tác tái cơ cấu Công ty.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu, Agriseco thực hiện chiến lược đầu tư mới, đầu tư hướng tới dài hạn và đầu tư có trọng điểm, đầu tư vào các cổ phiếu tốt, đồng hành cùng doanh nghiệp. Chủ trương đầu tư vào doanh nghiệp mà Công ty am hiểu, có nhiều thông tin, tránh lướt sóng ngắn hạn và dàn trải như các năm trước đây.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu, Agriseco đã tiến hành thu hồi đầy đủ khoản đầu tư Trái phiếu An Tiên (gốc, lãi và lãi phạt), cải thiện được tình hình tài chính, tăng lượng tiền mặt cho Công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Bảng: Tình hình tài chính 2015

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị Tài sản	2.242.171.802.587	2.709.875.322.201	-17,26%
Doanh thu	168.809.362.714	293.563.823.420	-42,50%
DT hoạt động môi giới CK	23.993.387.182	44.087.206.863	-45,58%
DT hoạt động đầu tư CK	65.579.544.191	96.669.778.591	-32,16%
DT bảo lãnh phát hành CK	16.020.000.000	634.717.689	2423,96%
DT hoạt động đại lý phát hành CK	-	-	-
DT hoạt động tư vấn	2.161.888.664	634.318.181	240,82%
DT hoạt động lưu ký CK	2.106.732.577	3.306.471.789	-36,28%
DT khác	58.947.810.100	148.231.330.307	-60,23%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-22.851.101	-125.903.999	-81,85%
DTT về HĐKD	168.786.511.613	293.437.919.421	-42,48%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-212.716.030.229	36016031771	-
Lợi nhuận khác	859.058	2.243.594	-61,71%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-212.716.030.229	36.016.031.771	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-186.705.943.166	25.697.870.141	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	-884	118	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	6,692	6,201	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh	6,685	6,196	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,084	0,172	Lần

+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	0,092	0,208	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,075	0,108	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/ DTT	-1,106	0,088	Lần
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	-0,091	0,011	Lần
+ Hệ số LNST/Tổng TS	-0,083	0,009	Lần
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	-1,260	0,123	Lần

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (thời điểm 05/10/2015)

- **Cổ phiếu phổ thông:** 211.199.953 cổ phiếu, chiếm 99,622 % số lượng cổ phiếu.
- **Cổ phiếu ưu đãi:** 0 cổ phiếu.
- **Cổ phiếu quỹ:** 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.
- **Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phiếu.
- **Tổng số cổ phiếu:** 212.000.000 cổ phiếu.

5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Trong nước	4.125	210.675.639	99,38%
-	Tổ chức	46	160.275.308	75,60%
-	Cá nhân	4.079	50.400.331	23,77%
2	Nước ngoài	30	524.314	0,25%
-	Tổ chức	3	50.260	0,02%
-	Cá nhân	27	474.054	0,22%
3	Cổ phiếu quỹ	-	800.047	0,38%
Tổng cộng		4.155	212.000.000	100%

* Theo Danh sách cổ đông AGR chốt ngày 05/10/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

5.5. Các chứng khoán khác

Các đợt phát hành chứng khoán khác trong năm: Không

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 nhìn chung đang trong quá trình hồi phục nhưng vẫn biến động thất thường bám chặt theo kinh tế thế giới và những sự kiện kinh tế vĩ mô. Chứng khoán sụt giảm mạnh trong những sự kiện như biến Đông hay 2 đợt giảm giá dầu thế giới, nhưng cũng tăng điểm mạnh mẽ xung quanh các sự kiện Việt Nam đàm phán thành công TPP hay kỳ vọng về những chính sách mới liên quan đến TTCK: nới room cho nhà đầu tư nước ngoài, chứng khoán phái sinh hay giao dịch T+0...

Ngoài ra, các khoản nợ xấu phát sinh làm ảnh hưởng xấu tới kết quả kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015, Công ty đã phải trích lập dự phòng hơn 265 tỷ đồng, dẫn lợi nhuận trước thuế năm 2015 của Công ty âm (-212 tỷ đồng).

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Tổng doanh thu năm 2015 sụt giảm so với năm 2014 nhưng cơ cấu các Nghiệp vụ chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng doanh thu của các Nghiệp vụ chứng khoán cốt lõi (Môi giới, Tự doanh, Tư vấn) tăng dần, trong khi tỷ trọng doanh thu của Nghiệp vụ khác (bao gồm các nghiệp vụ cho vay) giảm.
- **Nghiệp vụ môi giới:** Công ty vẫn duy trì được hệ thống mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước. Đây chính là thế mạnh của Công ty so với các CTCK khác trên thị trường.
- **Nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu:** Năm 2015, Công ty thu hồi đầy đủ khoản đầu tư Trái phiếu An Tiến 2013 (gốc, lãi và lãi phạt), cải thiện được tình hình tài chính, tăng lượng tiền mặt cho Công ty. Công ty cũng thanh toán hết khoản vay ACB giúp giảm chi phí tài chính trong năm tới.
- **Nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu:** Hoạt động Tự doanh cổ phiếu (Danh mục đầu tư mới) bắt đầu có lãi sau nhiều năm liên tục thua lỗ.
- **Nghiệp vụ tư vấn tài chính:** tuy chưa đóng góp nhiều vào kết quả kinh doanh của Công ty nhưng nghiệp vụ này đã phát triển mạnh trong hai năm trở lại đây thông qua sự tăng trưởng mạnh về số lượng hợp đồng ký kết và doanh thu. Năm

2015, Công ty thực hiện thành công Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu Agribank, tạo tiền đề cho việc hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp trong tương lai.

- **Công nghệ tin học:** Công nghệ tin học tiếp tục được Agriseco ưu tiên đầu tư và phát triển đồng bộ cả về con người và vốn, tiến tới từng bước phát triển thành mũi nhọn kinh doanh, góp phần thúc đẩy các nghiệp vụ khác cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành.
- **Quản lý rủi ro:** Công tác quản lý rủi ro được chú trọng và đã thu được những kết quả khả quan. Trong năm 2015, Công ty không để phát sinh thêm khoản nợ có vấn đề nào.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	1.258.756.415.446	1.771.437.043.689
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	563.283.466.920	352.894.496.064
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	124.872.744.619	589.840.392.784
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	543.931.174.651	775.831.346.421
4. Hàng tồn kho	1.335.910.100	1.416.844.210
5. Tài sản ngắn hạn khác	25.333.119.156	51.453.964.210
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	983.415.387.141	938.438.278.512
1. Tài sản cố định	294.165.165.140	295.610.636.863
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	542.115.232.251	517.230.799.594
3. Tài sản dài hạn khác	147.134.989.750	125.596.842.055
TỔNG TÀI SẢN	2.242.171.802.587	2.709.875.322.201

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2015	31/12/2014
1. Nợ ngắn hạn	188.108.742.589	285.666.756.114
Vay và nợ ngắn hạn		
Phải trả người bán	27.500.000	27.500.000
Người mua ứng trước	252.100.000	0
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.090.887.471	1.568.041.729
Phải trả người lao động	1.665.003.034	5.378.961.013
Chi phí phải trả	168.424.385	18.101.789.190
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.178.606.850	56.615.649.411
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	163.505.825.132	201.096.721.709
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.110.165.790	1.745.210.570
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.081.229.927	1.103.882.492
Doanh thu chưa thực hiện	29.000.000	29.000.000

2. Nợ dài hạn	0	181.366.661.000
1. Nợ dài hạn	0	181.366.661.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	188.108.742.589	467.033.417.114

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là đối với bộ phận gián tiếp.
- Bổ nhiệm mới Giám đốc Chi nhánh Giải Phóng.
- Hoàn thiện một số quy trình nghiệp vụ và quy định về tổ chức góp phần nâng cao chất lượng hoạt động các nghiệp vụ cũng như củng cố tổ chức, tăng cường kỷ luật trong Công ty.
- Thực hiện chăm công bằng vân tay nhằm tăng cường quản lý về thời gian, tiến tới thúc đẩy nâng cao năng suất lao động.

b. Hoạt động kiểm soát

- Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Agriseco luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Năm 2014, Agriseco đã tiến hành bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách quản lý rủi ro, nhằm tăng cường kiểm tra, kiểm soát toàn diện mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, Agriseco cũng đang tiến hành xây dựng , bổ sung các quy định và chế tài nhằm tăng cường quyền lực của nghiệp vụ kiểm soát. Một số Quy định đã chính thức được triển khai như Quy định về xử lý vi phạm hợp đồng đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và trở thành một công cụ đắc lực trong quản trị và điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh chuyển dịch sang Mô hình kinh doanh Dịch vụ chứng khoán nhằm tăng tính cạnh tranh và phù hợp với điều kiện của thị trường. Các giải pháp tổng thể hướng đến 4 yếu tố: Mở rộng thị trường và khách hàng; Nâng cấp sản phẩm hiện có và phát triển sản phẩm mới; Đẩy mạnh hiệu quả công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng; Tăng cường Marketing;

- Phát triển nghiệp vụ Tư vấn tài chính. Tăng cường năng lực của đội ngũ tư vấn; khai thác thế mạnh của Agriseco, tập trung vào các Khách hàng Doanh nghiệp của Agribank hoặc của một số tổ chức tín dụng có quan hệ với Agriseco.
- Duy trì vị thế của Agriseco trong thị trường kinh doanh trái phiếu.
- Tìm kiếm các nguồn vốn dài hạn nhằm đảm bảo tính ổn định trong thanh khoản vốn. Chuẩn bị phương án phát hành Trái phiếu Agriseco. Có kế hoạch tài chính để cân đối sử dụng nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn;
- Tăng cường công tác Tự doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn và mang lại nguồn thu cho Agriseco.
- Đánh giá tổng thể hệ thống công nghệ và có giải pháp đổi mới, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).

Không

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Tài chính vẫn ổn định

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Công ty lỗ 212,7 tỷ đồng. Đây là năm đầu tiên Công ty có kết quả kinh doanh lỗ. Nguyên nhân chính là do NHNN mua lại GPbank với giá 0 đồng nên Công ty phải trích dự phòng toàn bộ các Hợp đồng này (tương đương giá trị 240 tỷ đồng). Ngoài ra, Công ty cũng trích dự phòng toàn bộ các Hợp đồng Sabeco, ICA, Cavico, Gentraco.
- Mặc dù kết quả kinh doanh không tốt nhưng Công ty vẫn duy trì tốt thanh khoản và không để tồn đọng các Khoản nợ vay đối tác. Hoạt động kinh doanh của Agriseco diễn ra bình thường và thông suốt, các nghiệp vụ cốt lõi của CTCK đều có những bước phát triển nhất định. Công ty đã chấp hành các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước.
- Tiếp tục hoàn thiện hoạt động Ban quản lý Nợ. Triển khai mạnh mẽ Quy định về Quản lý rủi ro (QLRR) trong năm giữ chứng khoán không để phát sinh thêm các Hợp đồng có vấn đề, vận hành mềm dẻo Quy trình xử lý vi phạm Hợp đồng, bám sát diễn biến thị trường, xử lý dứt điểm các Hợp đồng nhỏ.

b. Nâng cấp quản lý

- Tập trung vào hiệu quả kinh doanh với việc từng bước đưa việc bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Chi nhánh gắn với hiệu quả kinh doanh của Đơn vị. Tiến tới xây dựng cơ chế đánh giá đơn vị và cá nhân theo kết quả công việc. Chấp nhận đóng cửa và sa thải.
- Với chủ trương để các Đơn vị kinh doanh trực tiếp tự chủ trong kinh doanh, giảm phụ thuộc của các Đơn vị kinh doanh trực tiếp vào Trụ sở chính, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tăng cường quyền tự quyết cho các Đơn vị.

c. Mô hình kinh doanh

- Tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh phù hợp, thích ứng với thị trường và dịch chuyển theo từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế.
- Củng cố hệ thống Cơ sở phát triển dịch vụ và mở rộng đội ngũ Chăm sóc khách hàng toàn phần. HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thiết kế nhiều sản phẩm

và dịch vụ mới cho các Đơn vị áp dụng nhằm tăng tính cạnh tranh trong việc thu hút khách hàng.

d. Chân chính đội ngũ

- Bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh và quản lý rủi ro. Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Giải phóng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT luôn nắm rõ tiến độ công việc và tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong quá trình xử lý công việc;
- Ban Tổng giám đốc chấp hành nghiêm chỉnh và triển khai nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, động viên cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Đẩy mạnh Môi giới

- Tăng cường đội ngũ và mở rộng mạng lưới Môi giới, tận dụng tối đa lợi thế mạng lưới và cơ sở khách hàng của ngân hàng mẹ, tăng cường chất lượng tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng, nâng cao năng lực bán hàng của cán bộ Môi giới.
- Nâng cấp sản phẩm hiện có, coi trọng phát triển “hàng hóa” cho Môi giới để nâng cao tính cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng
- Đẩy mạnh đầu tư cho bộ phận Phân tích, chuẩn bị sẵn sàng giao dịch T+0, tham gia thị trường chứng khoán phái sinh.

b. Phát triển, nâng cao vai trò và vị thế của nghiệp vụ Tư vấn tài chính Doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tại Trụ sở chính và trên hệ thống mạng lưới rộng khắp của Công ty.

c. Phát huy thế mạnh của nghiệp vụ Kinh doanh Trái phiếu

- Tìm mua Trái phiếu tốt, ưu tiên Trái phiếu chuyển đổi, thời hạn ngắn;
- Thực hiện Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu Agribank và tiến tới cung cấp các dịch vụ trái phiếu với Agribank.

- Làm đòn bẩy cho các nghiệp vụ Tư vấn phát hành, Tự doanh.

d. Tự doanh Cổ phiếu

- Phát huy thành tựu kinh doanh năm 2015. Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu phân tích, đánh giá các ngành và cổ phiếu tiềm năng trong năm 2016. Đưa tự doanh Cổ phiếu thành một mũi nhọn kinh doanh của Công ty.

e. Tăng cường Quản lý rủi ro

Tăng cường công tác Quản trị rủi ro, thay đổi phương pháp từ bị động sang chủ động phòng ngừa.

f. Tăng hiệu quả hoạt động mạng lưới

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Chi nhánh, Phòng giao dịch. Chi mở mới và duy trì Chi nhánh, Phòng giao dịch hoạt động kinh doanh thật sự hiệu quả.

g. Tổ chức lại Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức các Phòng, ban hành cơ chế tuyển dụng mới.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2015

1.1.1. Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần : **84.803.002 cổ phần, chiếm 40 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 84.803.002 cổ phần, chiếm 40 % vốn điều lệ;

1.1.2. Ông Phạm Văn Thành – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần : **31.851.126 cổ phần, chiếm 15,02 % vốn điều lệ**

Trong đó, đại diện:

- Đại diện sở hữu Agribank: 31.801.126 cổ phần, chiếm 15,00 % vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

1.1.3. Ông Phan Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần: **23.320.826 cổ phần, chiếm 11,00 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 23.320.826 cổ phần, chiếm 11,00 % vốn điều lệ;

1.1.4. Ông Mai Khắc Chinh - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần: **10.600.375 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 10.600.375 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ;

1.1.5. Ông Đinh Ngọc Phương - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần: **Không;**

1.1.6. Ông Lê Quang Sự - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần: **Không;**

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trước những biến động thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2015, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT các vấn đề tài chính, kinh doanh theo quy định.

1.3. Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Văn phòng HĐQT thực hiện đầy đủ các công việc hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Bên cạnh đó, HĐQT đã thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT, hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, soát xét các hoạt động của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

2.1.1. Bà Mai Thị Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần: **8.315.110 cổ phần, chiếm 3,922 % vốn điều lệ**

Trong đó, đại diện:

- Đại diện sở hữu Agribank: 8.310.694 cổ phần, chiếm 3,92 vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 4.416 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ;

2.1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: Không

2.1.3. Bà Lê Tú Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: Không

2.1.4. Ông Trần Minh Tú – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: Không

2.1.5. Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: **1 cổ phần, chiếm 0,000 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 1 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ;

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Agriseco thực hiện đầy đủ vai trò giám sát theo quy định tại Điều lệ Công ty, gồm:

- Giám sát tình hình hoạt động, giám sát về công tác quản trị điều hành, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác kế hoạch, giám sát việc tuân thủ các quyết định trong giấy phép kinh doanh, quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn Thanh tra, Kiểm tra.
- Giám sát thực hiện việc chấp hành quy định về người hành nghề chứng khoán

Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát thực hiện một số kiến nghị của Ban Kiểm soát, đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng giám đốc, thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông lớn theo quy định.

2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

Để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT, Tổng giám đốc có hồ sơ trình và Chủ tịch HĐQT đã tổ chức họp/xin ý kiến HĐQT bằng văn bản. Việc tổ chức họp/xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn dưới luật và quy định nội bộ của Công ty, dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát.

Các tài liệu, hồ sơ xin ý kiến HĐQT, các nghị quyết/Quyết định của HĐQT khi ban hành đều được gửi cho Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung như đối với các thành viên HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/10/2015, thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015 quy định như sau:

- Đối với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không có tên trong bản lương của Công ty: thành viên HĐQT được thanh toán một khoản cố định là 6 triệu đồng/tháng và thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán một khoản cố định là 4 triệu đồng/tháng.
- Đối với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có tên trong bảng lương của Công ty thì không được nhận thù lao, chỉ được nhận lương và thưởng theo quy định và quy chế của Công ty.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Agriseco phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà thương mại Daeha, Tầng 14, 360 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội;

Điện thoại : +84 4 3831 5100

Fax: +84 4 3831 5090

Website: www.ey.com

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để

đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền

tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai – HNG với tổng giá trị là 275.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo giá đóng cửa giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 28.800 VND/cổ phiếu. Tại ngày 24 tháng 03 năm 2016, ngày phát hành báo cáo tài chính này, giá niêm yết của cổ phiếu HNG là 9.000 VND/cổ phiếu. Do đó, với giá cổ phiếu này, Công ty có thể sẽ phải trích lập thêm 148.005.000.000 đồng dự phòng và ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế với giá trị tương ứng trong quý 1 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1

Đặng Phương Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2016

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31/12/2015)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (trình bày lại)
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.258.756.415.446	1.771.437.043.689
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	563.283.466.920	352.894.496.064
111	1. Tiền		203.283.466.920	352.894.496.064
112	2. Các khoản tương đương tiền		360.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		124.872.744.619	589.840.392.784
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	181.270.177.750	649.869.834.075
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.3	(56.397.433.131)	(60.029.441.291)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		543.931.174.651	775.831.346.421
131	1. Phải thu của khách hàng	7	1.052.487.144.471	940.918.686.926
132	2. Trả trước cho người bán	7	125.000.000	-
138	3. Các khoản phải thu khác	7	19.212.204.092	71.308.047.192
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn	8	(527.893.173.912)	(236.395.387.697)
140	IV. Hàng tồn kho		1.335.910.100	1.416.844.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.333.119.156	51.453.964.210
151	1. Chi phí trả trước	9	786.014.362	1.205.031.109
154	2. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	15	24.360.216.402	20.069.127.643
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	186.888.392	30.179.805.458
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		983.415.387.141	938.438.278.512
220	I. Tài sản cố định		294.165.165.140	295.610.636.863
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.114.489.411	1.690.501.758
222	Nguyên giá		37.820.553.866	37.994.588.266
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(36.706.064.455)	(36.304.086.508)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	282.584.896.729	278.470.356.105
228	Nguyên giá		306.316.632.500	299.348.632.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.731.735.771)	(20.878.276.395)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản		10.465.779.000	15.449.779.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		542.115.232.251	517.230.799.594
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		856.314.374.359	855.314.085.269
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.2	856.314.374.359	855.314.085.269
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.2	1.669.064.655	1.669.064.655

259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.4	(315.868.206.763)	(339.752.350.330)
260	III. Tài sản dài hạn khác		147.134.989.750	125.596.842.055
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	10.197.294.580	13.510.476.368
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	23.3	119.176.534.833	93.166.447.770
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	17.509.304.337	15.124.061.917
268	4. Tài sản dài hạn khác	14	251.856.000	3.795.856.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.242.171.802.587	2.709.875.322.201

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (trình bày lại)
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		188.108.742.589	467.033.417.114
310	I. Nợ ngắn hạn		188.108.742.589	285.666.756.114
312	1. Phải trả người bán		27.500.000	27.500.000
313	2. Người mua trả tiền trước		252.100.000	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.090.887.471	1.568.041.729
315	4. Phải trả người lao động		1.665.003.034	5.378.961.013
316	5. Chi phí phải trả	16	168.424.385	18.101.789.190
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	18.178.606.850	56.615.649.411
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	163.505.825.132	201.096.721.709
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.110.165.790	1.745.210.570
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.081.229.927	1.103.882.492
328	10. Doanh thu chưa thực hiện		29.000.000	29.000.000
330	II. Nợ dài hạn		-	181.366.661.000
334	1. Nợ dài hạn		-	181.366.661.000
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.054.063.059.998	2.242.841.905.087
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	2.054.063.059.998	2.242.841.905.087
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.120.000.000.000	2.120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.752.303.169	3.752.303.169
414	3. Cổ phiếu quỹ		(10.763.723.000)	(10.763.723.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.208.664.749	35.208.664.749
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.095.486.358	27.079.322.898
419	6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		33.963.098.424	32.946.934.964
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		(156.192.769.702)	34.618.402.307
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.242.171.802.587	2.709.875.322.201

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2015</i>	<i>31/12/2014</i>
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		810.275.467.793	820.684.030.128
4. Nợ khó đòi đã xử lý		394.449.601.874	325.547.248.266
6. Chứng khoán lưu ký		10.537.586.350.000	10.995.994.420.000
<i>Trong đó:</i>			
6.1 Chứng khoán giao dịch		7.225.892.940.000	7.568.549.510.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		160.556.980.000	144.391.870.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6.061.424.760.000	6.087.504.830.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.003.911.200.000	1.336.652.810.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng		470.000	470.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng của thành viên lưu ký		470.000	470.000
6.3 Chứng khoán cầm cố		3.235.447.610.000	3.319.742.270.000
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		3.235.447.610.000	3.278.103.970.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		-	41.638.300.000
6.4 Chứng khoán chờ thanh toán		56.251.740.000	78.688.080.000
6.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		1.000.000	19.220.000
6.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		56.250.740.000	78.618.860.000
6.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài		-	50.000.000

6.5 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		816.520.000	80.000
6.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký			80.000
6.5.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước		816.520.000	-
6.6 Chứng khoán chờ giao dịch		19.177.070.000	4.014.010.000
6.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		19.177.070.000	4.013.950.000
6.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	60.000
6.7 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	25.000.000.000
6.7.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		-	25.000.000.000
7. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết		519.939.550.000	206.322.980.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch		505.359.330.000	191.519.980.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		22.941.620.000	22.941.060.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		482.417.710.000	168.578.920.000
7.3 Chứng khoán chờ thanh toán		759.130.000	1.381.910.000
7.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		759.130.000	1.381.910.000
7.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		31.000.000	-
7.4.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của Khách hàng trong nước		31.000.000	-
7.5 Chứng khoán chờ giao dịch		13.790.090.000	13.421.090.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		1.142.130.000	26.800.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		790.524.240.000	1.096.704.740.000
TỔNG CỘNG		13.053.917.339.667	13.445.280.218.394

108
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
VIỆT
NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 (trình bày lại)</i>
01	1. Doanh thu		168.809.362.714	293.563.823.420
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu môi giới chứng khoán		23.993.387.182	44.087.206.863
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán		65.579.544.191	96.669.778.591
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		16.020.000.000	634.717.689
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		2.161.888.664	634.318.181
01.6	- Doanh thu hoạt động lưu ký		2.106.732.577	3.306.471.789
01.9	- Doanh thu khác		58.947.810.100	148.231.330.307
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(22.851.101)	(125.903.999)
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	168.786.511.613	293.437.919.421
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(50.213.683.051)	(214.518.093.162)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		118.572.828.562	8.919.826.259
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(331.289.717.849)	(42.906.038.082)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(212.716.889.287)	36.013.788.177
31	8. Thu nhập khác		859.058	2.243.594
40	9. Lợi nhuận khác		859.058	2.243.594
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(212.716.030.229)	36.016.031.771
52	12. (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.3	26.010.087.063	(10.318.161.630)
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(186.705.943.166)	25.697.870.141
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(884)	118

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		(212.716.030.229)	60.780.351.361
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ	11,12	4.004.237.323	6.581.443.606
03	Các khoản lập dự phòng		263.981.634.488	33.915.272.185
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		65.449.092.916	96.669.778.592
06	Chi phí lãi vay		22.715.419.504	76.013.413.629
08	Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		143.434.354.002	273.960.259.373
09	Tăng các khoản phải thu		(98.999.385.858)	(1.930.002.171)
10	Giảm chứng khoán tự doanh		468.679.430.825	347.690.697.213
11	Giảm các khoản phải trả		(75.684.959.867)	(956.716.389.087)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		3.813.132.645	(2.953.077.291)
13	Tiền lãi vay đã trả		(40.374.013.237)	(341.407.307.330)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(5.258.390.693)	(40.742.152.315)
15	Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh		(346.158.046)	719.645.091.584
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		395.264.009.771	(2.452.880.024)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.558.765.600)	(280.116.389.654)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		48.786.363	-
25	Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn		(1.000.289.090)	-
26	Tiền thu từ chứng khoán dài hạn		1.890.412	498.244.430.765
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(3.508.377.915)	218.128.041.111
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được		430.850.000.000	1.074.766.661.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(612.216.661.000)	(1.259.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(181.366.661.000)	(184.633.339.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		210.388.970.856	31.041.822.087
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		352.894.496.064	321.847.589.082
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	563.283.466.920	352.889.411.169

Bản báo cáo tài chính kiểm toán 2015 đã được Agriseco công bố tại địa chỉ website
<http://www.agriseco.com.vn/tabid/83/vi-VN/default.aspx#AD,469,290475>

Trân trọng! *nguyentrong*

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC *[Handwritten signature]*



PHAN VĂN TUẤN



[Handwritten initials]